

Số: /QĐ-TTHN

Tam Quan, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán sửa chữa, cải tạo, gói thầu:
Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc Trung tâm Y tế Hoài Nhơn**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HOÀI NHƠN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội; Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật Đấu thầu số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế GTGT, Luật thuế xuất khẩu, Luật thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 93/2024/NQ-HĐND ngày 04/11/2024 về việc bãi bỏ khoản 2 Điều 14 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 14/11/2025 của Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán sửa chữa, cải tạo đối với gói thầu: Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc Trung tâm Y tế Hoài Nhơn;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Trưởng phòng Tổ chức hành chính và Trưởng phòng Tài chính Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán sửa chữa, cải tạo, gói thầu: Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc Trung tâm Y tế Hoài Nhơn với tổng số tiền: **99.745.743 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng chẵn), với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và Trưởng các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo đơn vị;
- TCG, TTD;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Vinh

Phụ lục
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán sửa chữa, cải tạo, gói thầu: Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc
Trung tâm Y tế Hoài Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTHN ngày /11/2025 của TTYT Hoài Nhơn)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	TTYT Hoài Nhơn	Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc Trung tâm Y tế Hoài Nhơn	Tổ chức thi công Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc Trung tâm Y tế Hoài Nhơn	99.745.743	Nguồn kinh phí thu dịch vụ Căng tin, nhà xe năm 2025 của bệnh viện	Chỉ định thầu rút gọn không qua mạng	Không	15 ngày	Tháng 11/2025	Trọn gói	15 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không
Tổng giá trị gói thầu				99.745.743								

Phụ lục

Gói thầu: Sửa chữa, cải tạo, mở rộng Nhà Căng tin thuộc Trung tâm Y tế Hoài Nhơn
(Theo điều 1 của Quyết định số /QĐ-TTHN ngày /11/2025)

STT	Mã CV	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Tổng tiền
1	TT	Nhân công phá dỡ nền gạch cũ, đào gốc cây và vận chuyển xà bần lên phương tiện vận chuyển để đi đổ	công	8,000	277.267	2.218.135
2	AB.11442	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng >1m, sâu >1m - Cấp đất II	1m3	3,076	288.358	886.988
3	AF.11111	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M150, đá 4x6, PCB40	m3	0,669	1.093.973	731.890
4	AF.81122	Ván khuôn móng cột - Móng vuông, chữ nhật	100m2	0,035	21.276.041	748.066
5	AF.11213	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng ≤250cm, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,528	1.404.678	740.968
6	AE.16113	Xây móng bằng đá chẻ 15x20x25cm, vữa XM M75, PCB40	m3	0,704	1.407.297	990.174
7	AF.81141	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,028	25.762.074	725.048
8	AF.61521	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ØK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,026	22.182.108	567.862
9	AF.12313	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M250, đá 1x2, PCB40	m3	0,352	1.849.402	650.620
10	AB.65110	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,85	100m3	0,019	3.012.283	56.601
11	AB.66142	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	0,107	25.779.789	2.748.641
12	AF.11331	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M150, đá 4x6, PCB40	m3	3,554	1.135.644	4.036.079
13	AK.51283	Lát nền, sàn - Tiết diện gạch ≤ 0,36m2, vữa XM M75, PCB40	m2	33,540	380.736	12.769.896
14	AE.72223	Xây tường thẳng bằng gạch rỗng 6 lỗ 10x13,5x22cm - Chiều dày >10cm, chiều cao ≤28m, vữa XM M75, PCB40	m3	3,224	1.343.395	4.331.604
15	AK.21123	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	21,496	96.720	2.079.071

16	AK.21223	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	21,496	77.868	1.673.830
17	AK.84224	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	21,496	83.207	1.788.610
18	AK.84222	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	35,296	78.007	2.753.351
19	AI.11121	Gia công vì kèo thép hình khẩu độ nhỏ, khẩu độ $\leq 9m$	tấn	0,130	38.156.418	4.968.729
20	AI.61121	Lắp vì kèo thép khẩu độ $\leq 18m$	tấn	0,130	4.095.667	533.338
21	AI.11211	Gia công giằng mái thép	tấn	0,047	28.458.600	1.326.171
22	AI.61142	Lắp dựng giằng thép bu lông	tấn	0,047	4.303.750	200.555
23	AI.11221	Gia công xà gồ thép	tấn	0,129	25.763.429	3.329.150
24	AI.61131	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0,129	3.245.569	419.392
25	AI.11131	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,075	28.548.492	2.153.413
26	AI.61111	Lắp cột thép các loại	tấn	0,075	5.705.655	430.378
27	AK.83520	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	28,076	68.517	1.923.724
28	AK.12222	Lợp mái che tường bằng tôn múi, chiều dài bất kỳ	100m2	0,441	15.114.526	6.664.516
29	TT	Tháo dỡ, sửa chữa, lắp đặt cửa đi nhôm kính hệ 700, ram ri, nẹp bằng nhôm, kính trắng dày 8 ly (tân dụng lại)	m2	12,750	489.030	6.235.139
30	TT	SXLD Trần la phong nhựa tấm 600x600mm:	m2	29,670	226.177	6.710.660
31	TT	SXLD Vách ngăn bằng tôn khung thép hộp vuông 30x30x1.4	m2	25,370	672.417	17.059.217
32	BA.13320	Lắp đặt đèn ống dài 1,2m, hộp đèn 2 bóng	bộ	2,000	194.403	388.806
33	BA.17201	Lắp đặt ổ cắm đơn	cái	1,000	35.189	35.189
34	BA.17101	Lắp đặt công tắc 1 hạt	cái	1,000	38.897	38.897
35	BA.16202	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4mm^2$	m	40,000	17.650	705.988
36	BA.14402	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27mm$	m	40,000	60.660	2.426.409
37	BB.41107	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 89mm	100m	0,300	10.908.438	3.272.531
38	BB.75105	Lắp đặt côn, cắt nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 89mm	cái	5,000	85.222	426.109
TỔNG CỘNG						99.745.743

Ghi chú: Chi phí trên đã bao gồm thuế VAT và tất cả các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện tại đơn vị sử dụng